

No.	Meaning	Word
51	nhận thức về môi trường	
52	vỏ trái cây	
53	thẻ quà tặng	
54	thiệp mừng	
55	rác thải sinh hoạt	
56	chậu cây	
57	sự ô nhiễm nhựa	
58	giấy ghi chú	
59	phương tiện cá nhân	
60	biểu tượng tái chế	
61	vòi nước cảm biến	
62	đèn trời	
63	máy bán hàng tự động	
64	chất thải	
65	cây nước	
66	Đoàn Thanh niên	
67	dọn dẹp	
68	vứt đi	
69	tận dụng	
70	đưa vào thực tế	
71	xối nước, rửa sạch	
72	vội vã ra ngoài	
73	vứt đi	